TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS– ST
Ngày: 24/01/2018
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Khá;
2. Bà Phan Thị Oanh;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Toà án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2013/TLST – DS ngày 26/3/2013 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐXXST – DS ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Trú tại: nn THĐ, phường m, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

-Bị đơn: bà Nguyễn Thị Xuân B – sinh năm 1959; Trú tại: nn NT, phường n, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Trọng Th – sinh năm 1957; Trú tại: Trú tại: nn NT, phường n, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2013 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 15/12/2011, bà có cho bà Nguyễn Thị Xuân B vay tiền 02 lần, lần đầu vay 12.000.000đ, lãi 7%/tháng, không hẹn ngày trả nợ, lần sau vay 4.000.000đ, lãi 7%/tháng, ngày đến hạn là 15/01/2012.

Trong 02 giấy nhận nợ vay tiền, ông Trần Trọng Th (chồng bà B) ký xác nhận bảo lãnh. Vì bà B chưa trả nợ nên bà S yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc 16.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ, nếu bà B không trả được nợ thì ông Th phải trả thay khoản nợ này vì là

người bảo lãnh. Trước đây bà có yêu cầu tính lãi theo lãi suất 20%/năm nhưng nay rút yêu cầu, đề nghị tính lãi 1,125%/tháng.

Đối với việc ông Th, bà B cung cấp cho Toà chứng cứ về việc bà ghi vào sổ với nội dung: "Ngày 19/6/2013, Trần Trọng Th và Nguyễn Thị Xuân B vay Thanh S 13.000.000đ, lãi 6%/tháng hạn 19/7/2013" và "Ngày 19/9/2013, bà Nguyễn Thị Xuân B vay số tiền 12.000.000đ lãi 4%/tháng, hạn 19/10/2013", bà S cho rằng không có câu chữ nào bà ghi là chốt lại số nợ còn lại nên đây là khoản tiền vợ chồng họ vay thêm chưa trả. Nếu ông Th, bà B đã trả nợ thì phải cung cấp giấy nhận tiền có bà ký nhận, còn không thì bà S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân B trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2017, đồng thời uỷ quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trọng Th trình bày: vợ chồng ông bà thừa nhận 02 giấy vay tiền ngày 15/12/2011 là đúng số tiền vay và chữ ký vợ chồng ông. Quá trình vay mượn hàng tháng đều trả lãi và 1.000.000đ tiền gốc. Đến ngày 19/6/2013, vợ chồng ông đã trả được 3.000.000đ tiền gốc và tiền lãi hàng tháng (không nhớ cụ thể số tiền), bà S viết vào sổ tay nhỏ với nội dung "ngày 19/6/2013, Trần Trọng Th và Nguyễn Thị Xuân B vay Thanh S 13.000.000đ, lãi 6%/tháng hạn 19/7/2013". Đến ngày 19/9/2013, trả thêm 1.000.000đ tiền gốc nên bà S viết 01 giấy chốt nợ và hạ lãi suất xuống với nội dung "ngày 19/9/2013, bà Nguyễn Thị Xuân B vay số tiền 12.000.000đ lãi 4%/tháng, hạn 19/10/2013". Vào năm 2013, khi được Tòa án mời đến giải quyết đơn kiện của bà S, vợ chồng ông đều trình bày nội dung trên nhưng bà S vắng mặt. Tại toà ông vẫn xác định tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng ông chỉ còn nợ bà S 12.000.000đ. Vì bà S đã kiện ra Tòa thì không thể có việc tiếp tục cho vợ chồng ông vay thêm hai khoản tiền vào năm 2013 nữa. Đồng thời ông Th yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, vì hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện trả một lần nên xin trả dần hàng tháng sau khi có bản án của Tòa án và sẽ gửi khoản tiền này tại cơ quan thi hành án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt có đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn uỷ quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân B uỷ quyền cho ông Trần Trọng Th tham gia tố tụng nên Toà án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, 305 BLDS 2005, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc cho nguyên đơn 16.000.000đ, trả lãi theo lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vay tiền 15/12/2011 đến khi trả hết nợ gốc. Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định tại khoản 2

Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 về án phí lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân B vắng mặt đã uỷ quyền cho ông Trần Trọng Th tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Theo hai giấy mượn tiền cùng ngày 15/12/2011, bà Nguyễn Thị Xuân B vay tiền của bà Hồ Thị Thanh S hai lần, lần đầu vay 12.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 7%/tháng không hẹn này trả nợ, lần sau vay 4.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, hẹn ngày 15/01/2012 trả nợ. Cả hai giấy vay tiền ông Th là chồng bà B đều ký xác nhận bảo lãnh. Ông Th, bà B cho rằng đã trả được 4.000.000 đồng nợ gốc, bà S đã viết lại giấy chốt nợ vào sổ vào các ngày 19/6/2013 và 19/9/2013. Tuy nhiên xét các giấy ngày 19/6/2013 và 19/9/2013, không có nội dung nào ghi chốt số tiền nợ gốc còn lại của hai khoản vay ngày 15/12/2011, bà S không chấp nhận đây là các giấy chốt nợ. Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà đã cho hai bên tiến hành đối chất về các giấy nợ các bên cung cấp nhưng bà S vắng mặt, ông Th không chứng minh được việc trả nợ gốc, lãi và việc chốt nợ. Xét thấy, yêu cầu của bà S là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474, 476, 478 BLDS 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc 16.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vay 15/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2018, cụ thể như sau: (16.000.000 x1,125%/tháng) x 6 năm 1 tháng 09 ngày =13.194.000đ *(Mười ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi phải trả là 29.194.000 đồng *(Hai mươi chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Bị đơn xin trả dần hàng tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]Về án phí: Ngày 24/11/2017, bị đơn, người liên quan nộp đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân phường n, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác nhận, do đó căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn được miễn nộp 50% mức tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 478, 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

[1]Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2013, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân B trả số tiền 29.194.000 đồng *(Hai mươi chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*, trong đó nợ gốc 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng)*, tiền lãi 13.194.000đ *(Mười ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Trường hợp bà Nguyễn Thị Xuân B không trả nợ cho bà Hồ Thị Thanh S thì ông Trần Trọng Th phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà B.

[2]Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 25/01/2018), nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3]Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân B phải chịu 1.460.000/2 = 730.000 đồng *(Bảy trăm ba mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tạm ứng án phí 470.875đ *(Bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* theo Biên lai thu tiền số 10407 ngày 12/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

<u>Nơi nhận:</u>
-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà